

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Quý IV Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	T M	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		34,936,759,076	18,125,876,021	150,620,424,982	87,506,528,697
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		691,197,408		31,949,739,869	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	34,245,561,668	18,125,876,021	118,670,685,113	87,506,528,697
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	33,601,795,890	15,086,754,098	122,200,712,950	49,789,862,548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		643,765,778	3,039,121,923	(3,530,027,837)	37,716,666,149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	40,129,658,689	14,940,631,353	148,628,470,209	66,732,053,104
7. Chi phí tài chính	22	6.4	26,236,321,128	7,005,183,816	65,880,458,059	22,143,116,076
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,767,144,497	4,776,507,855	31,704,625,888	12,716,482,127
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	466,663,291	1,709,033,301	823,249,351	2,369,333,022
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	8,239,232,457	7,117,373,250	19,859,368,768	20,114,378,177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,831,207,591	2,148,162,909	58,535,366,194	59,821,891,978
11. Thu nhập khác	31	6.7	1,157,540,168	1,251,644,924	2,780,047,030	10,417,552,869
12. Chi phí khác	32	6.8	607	94,934,488	1,769,107	1,072,689,973
13. Lợi nhuận khác	40		1,157,539,561	1,156,710,436	2,778,277,923	9,344,862,896
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		6,988,747,152	3,304,873,345	61,313,644,117	69,166,754,874
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3,866,124,067	327,571,335	3,866,124,067	7,960,423,242
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(30,330,462)	(262,458,225)	(25,561,275)	(617,378,218)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,152,953,547	3,239,760,235	57,473,081,325	61,823,709,850
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số						
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			3,152,953,547	3,239,760,235	57,473,081,325	61,823,709,850
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		413,948,817,166	212,140,201,648
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	3,282,687,395	1,284,540,536
1. Tiền	111		3,282,687,395	1,284,540,536
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.2	375,286,898,694	168,024,521,626
1. Phải thu khách hàng	131		37,311,597,000	40,388,844,503
2. Trả trước cho người bán	132		136,140,000	2,581,642,300
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		338,985,051,379	126,199,924,508
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,145,889,685)	(1,145,889,685)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	35,157,358,370	41,775,431,858
1. Hàng tồn kho	141		35,157,358,370	41,775,431,858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		221,872,707	1,055,707,628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	21,929,583	62,500,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	722,517,911
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1,500,000	1,500,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	198,443,124	269,189,717

(Phần tiếp theo trang 02)

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		635,554,281,526	636,288,700,798
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		24,600,052,494	27,190,434,155
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	14,886,787,334	17,379,108,991
+ Nguyên giá	222		29,868,256,695	29,146,101,877
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,981,469,361)	(11,766,992,886)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	4,832,833,314	4,939,833,318
+ Nguyên giá	228		5,360,300,000	5,360,300,000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(527,466,686)	(420,466,682)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	4,880,431,846	4,871,491,846
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		24,144,398,391	24,756,238,011
+ Nguyên giá	241	5.10	26,420,882,816	26,420,882,816
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2,276,484,425)	(1,664,644,805)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.11	583,270,016,449	580,774,657,433
1. Đầu tư vào công ty con	251		449,416,908,010	447,912,527,010
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		133,005,000,000	132,900,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,875,000,000	964,747,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1,026,891,561)	(1,002,616,577)
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270		3,539,814,192	3,567,371,199
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.12	29,778,523	82,896,805
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	5.13	3,510,035,669	3,484,474,394
3. Tài sản dài hạn khác	278		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1,049,503,098,692	848,428,902,446

NGUỒN VỐN

	Mã số	Th. minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		506,804,199,537	332,321,167,279
I. Nợ ngắn hạn	310		495,936,634,627	297,774,657,769
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	345,464,448,057	161,410,256,280
2. Phải trả người bán	312	5.15	14,715,135,187	14,291,757,911
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	2,761,184,112	2,466,644,371
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	5,544,438,552	2,398,027,838
5. Phải trả người lao động	315	5.17	728,586,617	753,143,797
6. Chi phí phải trả	316	5.18	22,262,435,030	18,934,840,725
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.19	91,051,700,641	85,622,167,013
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13,408,706,431	11,897,819,834
II. Nợ dài hạn	330		10,867,564,910	34,546,509,510
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.20	656,898,000	656,898,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.21	-	13,826,431,871
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	10,210,666,910	20,063,179,639
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		542,698,899,155	516,107,735,167
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	542,698,899,155	516,107,735,167
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.23	443,753,850,000	443,753,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	5.23	(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.23	16,482,223,295	14,364,348,663
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.23	14,312,511,004	12,618,211,299
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.23	1,376,512,290	952,937,364
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.23	74,273,802,566	51,918,387,841
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ	500		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,049,503,098,692	848,428,902,446

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

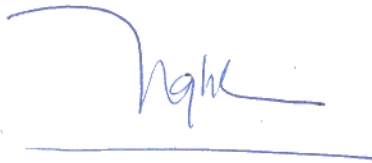
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		99,934.98	3,574.3
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61,313,644,117	69,166,754,874
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3,933,316,099	4,113,641,158
Các khoản dự phòng	03			445,822,469
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			(4,758,767,213)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(61,857,555,164)
Chi phí lãi vay	06		24,746,356,757	12,716,482,127
Điều chỉnh khác				-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		89,993,316,973	19,826,378,251
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(206,428,542,147)	44,096,952,545
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6,618,073,488	15,140,757,565
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		10,357,220,430	(34,671,913,071)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		53,118,282	241,375,421
Tiền lãi vay đã trả	13		(36,225,315,499)	(12,518,113,676)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(30,852,696,619)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			3,629,000,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(2,301,287,740)	(998,813,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(137,933,416,213)	3,892,927,416
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(731,094,818)	(2,747,319,880)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			(139,922,112,529)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			48,679,200,914
4. khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,495,359,016)	(11,957,549,910)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			902,342,950
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1,022,188,939
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,226,453,834)	(104,023,249,516)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ				
1. sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		658,264,178,188	579,225,259,321
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(488,036,418,282)	(441,764,256,656)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27,069,743,000)	(49,691,270,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		143,158,016,906	87,769,732,465
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1,998,146,859	(12,360,589,635)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,284,540,536	13,642,069,559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			3,060,612
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		3,282,687,395	1,284,540,536

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là " Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại số 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại TP.HCM.

Các công ty con tính đến 31/12/2011 gồm:

- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khoáng Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long
- Công ty CP Hoàng Long Mê Kông.
- Công ty CP Thanh Mỹ

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mượn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh)
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyên nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình)
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12;.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính quý IV/2011 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 -25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 -08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 -10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 -05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.10. Thuế

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt	141.090.588	24.171.164
Tiền gửi ngân hàng	3.141.596.807	1.260.369.372
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	3.282.687.395	1.284.540.536

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu khách hàng	37.311.597.000	40.388.844.503
Trả trước cho người bán	136.140.000	2.581.642.300
Các khoản phải thu khác	338.985.051.379	126.199.924.508
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	376.432.788.379	169.170.411.311
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.145.889.685)	(1.145.889.685)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	375.286.898.694	168.024.521.626

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu hoạt động thương mại	7.376.891.796	424.251.685
Phải thu hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	29.934.705.204	39.964.592.818
Cộng	37.311.597.000	40.388.844.503

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản ứng trước cho người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Trả trước tiền mua nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản .	-	-
Trả trước cho hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu chế biến thủy sản .	-	2.451.694.000
Các khoản trả trước khác	136.140.000	129.948.300
Cộng	136.140.000	2.581.642.300

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu nội bộ các công ty con	331.143.412.841	118.091.929.856
Phải thu tiền cho Công ty Tấn Điền mượn	1.580.849.571	5.982.546.254
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.230.224.437	1.227.774.537
Các khoản phải thu khác	5.030.564.530	897.673.861
Cộng	338.985.051.379	126.199.924.508

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được chi tiết như sau :

Tên đối tượng	Số dư nợ	Tỷ lệ dự phòng	Số dự phòng
Cù Lê Bảo Trị	85.500.000	100%	85.500.000
Mai Tiến Dũng	150.000.000	100%	150.000.000
Nguyễn Phước Hòa	600.000.000	100%	600.000.000
DNTN Thúy Hằng	199.998.835	100%	199.998.835
Hộ kinh doanh Đặng Văn Mỹ	88.000.000	100%	88.000.000
Cơ sở Phạm Ải	22.390.850	100%	22.390.850
Cộng	1.145.889.685		1.145.889.685

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	3.460.793.103	1.026.188.046
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.693.068.810	11.939.988.955
Thành phẩm	845.605.218	1.091.402.840
Hàng hóa	27.157.891.239	27.717.852.017
Cộng giá gốc hàng tồn kho	35.157.358.370	41.775.431.858
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	35.157.358.370	41.775.431.858

Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho gồm :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Khu dân cư Long Kim 2	27.157.891.239	27.717.852.017
Hàng hoá – mì lát	-	-
Tổng cộng	27.157.891.239	27.717.852.017

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí quảng cáo thương hiệu chờ phân bổ

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế GTGT còn được khấu trừ:	-	722.517.911
Thuế môn bài nộp thừa	1.500.000	1.500.000
Tổng cộng	1.500.000	724.017.911

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tạm ứng	198.443.124	269.189.717
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tổng cộng	198.443.124	269.189.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	9.175.254.924	2.897.350.606	14.010.372.222	2.637.524.125	425.600.000	29.146.101.877
Tăng	-	73.700.000	652.221.818	17.455.000	-	743.376.818
Thanh lý	-	-	-	(21.222.000)	-	(21.222.000)
Số dư cuối năm	9.175.254.924	2.971.050.606	14.662.594.040	2.633.757.125	425.600.000	29.868.256.695
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.600.329.017	1.440.317.967	6.125.103.044	2.179.184.529	422.058.329	11.766.992.886
Khấu hao trong năm	510.425.086	510.424.779	1.874.502.991	335.035.448	3.541.671	3.233.929.975
Thanh lý	-	-	-	(19.453.500)	-	(19.453.500)
Số dư cuối năm	2.110.754.103	1.950.742.746	7.999.606.035	2.494.766.477	425.600.000	14.981.469.361
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	7.574.925.907	1.457.032.639	7.885.269.178	458.339.596	3.541.671	17.379.108.991
Tại ngày cuối năm	7.064.500.821	1.020.307.860	6.662.988.005	138.990.648	-	14.886.787.334

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.350.000.000	10.300.000	5.360.300.000
Số dư cuối năm	5.350.000.000	10.300.000	5.360.300.000
Hao mòn			
Số dư đầu năm	410.166.682	10.300.000	420.466.682
Khấu hao trong năm	107.000.004	-	107.000.004
Số dư cuối năm	517.166.686	10.300.000	527.466.686

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.939.833.318	-	4.939.833.318
Tại ngày cuối năm	4.832.833.314	-	4.832.833.314

Trong đó :

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 10.300.000 đồng

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm thiết bị của hệ thống nước thải Long Cang	173.218.403	173.218.403
Chi phí xây dựng nhà máy nước ngầm	-	-
Phí bảo hộ sản phẩm chế biến	79.040.000	79.040.000
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.619.233.443
Tổng cộng	4.880.431.846	4.871.491.846

5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà An Dương Vương	Nhà kho	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.340.160.000	5.579.200.706	3.501.522.110	26.420.882.816
Số dư cuối năm	17.340.160.000	5.579.200.706	3.501.522.110	26.420.882.816
Hao mòn				
Số dư đầu năm	-	964.859.162	699.785.643	1.664.644.805
Tăng trong năm	-	278.960.040	332.879.580	611.839.620
Số dư cuối năm	-	1.243.819.202	1.032.665.223	2.276.484.425
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	17.340.160.000	4.624.417.243	2.791.660.768	24.756.238.011
Tại ngày cuối năm	17.340.160.000	4.335.381.504	2.468.856.887	24.144.398.391

5.11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Đầu tư vào công ty con	449.416.908.010	447.912.527.010
Đầu tư vào công ty liên kết	133.005.000.000	132.900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.875.000.000	964.747.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	584.296.908.010	581.777.274.010
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.026.891.561)	(1.002.616.577)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	583.270.016.449	580.774.657.433

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại	Vốn góp đến 31/12/2011	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Con	30.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản	Con	85.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Con	150.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn	Con	70.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Con	100.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Con	10.000.000.000	100%
Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Con	4.416.908.010	55%
Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Liên kết	133.005.000.000	30%
Công ty CP Thanh Mỹ	Khác	1.875.000.000	5%
Cộng		584.296.908.010	

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng cho khoản lỗ lũy kế vào công ty liên kết Thanh Thy.

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng CN TP.HCM	-	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	29.778.523	82.896.805
Tổng cộng	29.778.523	82.896.805

5.13. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời từ chi phí trích trước cho khu đất Long Kim 2	3.510.035.669	3.484.474.394
Tổng cộng	3.510.035.669	3.484.474.394

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay PG Bank – (a)	299.670.572.000	146.847.193.920
Vay Exim Bank – tương đương 769.230 USD (b)	-	14.563.062.360
Vay Vietcombank – tương đương 2.198.668,91USD (c)	45.793.876.057	-
Tổng cộng	345.464.448.057	161.410.256.280

(a) Vay ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex theo hợp đồng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PGB ngày 29/03/2011 với lãi suất từ 9,5%/năm. Với tài sản thế chấp là bất động sản và động sản trị giá: 390.212.349.000 đồng.

(b) Vay ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo hợp đồng số 1501-LAV-201000842 ngày 14/12/2010 với lãi suất 6.5%/năm. Tài sản thế chấp gồm :quyền sở hữu nhà và quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

sử dụng đất tọa lạc tại 281-283 An Dương Vương, Q.5. TP.HCM theo hợp đồng thế chấp số 407/EIB-MT/TC/2010 ngày 14/12/2010.

(c) Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Long An theo hợp đồng hạn mức số 01/CV/0210/TDC/11LD ngày 23/3/2011. Tài sản thế chấp là QSDĐ tại Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An.

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả người bán	14.715.135.187	14.291.757.911
Người mua trả tiền trước	2.761.184.112	2.466.644.371
Tổng cộng	17.476.319.299	16.758.402.282

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả tiền đền bù, giải tỏa cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Long An	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nòi cho công ty Chia Tung (tương đương 380.000 USD)	7.914.640.000	7.194.160.000
Khác	1.093.083.187	1.390.185.911
Cộng	14.715.135.187	14.291.757.911

5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế GTGT hàng nội địa	16.018.866	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.745.372.370	1.745.372.370
Thuế thu nhập cá nhân	20.471.481	20.005.550
Thuế VAT hàng nhập khẩu	665.388.869	-
Các khoản phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	3.097.186.966	632.649.918
Tổng cộng	5.544.438.552	2.398.027.838

5.17. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 12 và tháng 13 năm 2011.

5.18. Chi phí phải trả: Là khoản chi phí trích trước liên quan đến khu dân cư Long Kim II.

5.19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	24.728.000	36.145.200
BHXH, BHYT, BHTN	41.912.000	-
Phải trả cho các công ty con	69.823.689.192	40.166.803.834

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải trả tiền vay cho Công ty Thanh Thy	19.475.443.935	24.557.443.935
Phải trả tiền mượn cho Công ty An Thịnh	67.324.500	11.042.455.500
Phải trả tiền mượn từ ông Phạm Phúc Toại	504.597.500	5.470.359.000
Phải trả tiền thu hộ cho ông Phan Thanh Vũ	152.779.255	4.333.689.580
Phải trả tiền mượn cho Công Ty Kim Hoàng Long	761.583.752	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.642.507	15.269.964
Tổng cộng	91.051.700.641	85.622.167.013

5.20. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ tiền thuê kho từ công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long, thời gian 5 năm.

5.21. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay VNĐ	-	-
Vay USD (tương đương 730.320,72 USD)	-	13.826.431.871
Tổng cộng	(*) -	13.826.431.871

(*) Vay ngân hàng Ngoại Thương theo hợp đồng tín dụng số 0557/TDC/09CD ngày 18/08/2009 với lãi suất là 7,2%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Theo hợp đồng thế chấp số 0250/NHNT-TDC/BL10 ngày 13/08/2010, tài sản thế chấp định giá là 14.193.430.000 đồng, bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 240676 do UBND huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp ngày 13/09/2005.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Long An cấp ngày 26/09/2010, hồ sơ gốc số 01028.

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Khách hàng ứng trước tiền chuyển quyền sử dụng đất theo tiến độ trên hợp đồng	10.210.666.910	20.063.179.639

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23. Vốn chủ sở hữu

5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	27.347.420.860	88.297.430.179	506.544.111.039
Tăng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	61.823.709.850	61.823.709.850
Giảm khác	-	-	-	-	(1.187.539.056)	(1.187.539.056)
Trích quỹ	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.466)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	27.935.497.326	51.918.387.841	516.107.735.167
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	57.473.081.325	57.473.081.325
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	4.235.749.263	(8.047.923.600)	(3.812.174.337)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.069.743.000)	(27.069.743.000)
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	32.171.246.589	74.273.802.566	542.698.899.155

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
Tổng cộng	443.753.850.000	443.753.850.000

5.23.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức năm trước	27.069.743.000	14.427.837.000
Chia cổ tức năm nay	-	-
Tổng cộng	27.069.743.000	14.427.837.000

5.23.4. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần được mua lại	(150.000)	(150.000)
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	44.225.385	44.225.385

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	26.293.497.816	10.404.501.016
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất	760.098.714	7.290.530.005
Doanh thu hoạt động khác	7.883.162.546	430.845.000
Hàng bán bị trả lại	(691.197.408)	-
Doanh thu thuần	34.245.561.668	18.125.876.021

6.2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	25.201.656.671	10.043.064.642
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng đất	25.159.169	4.890.729.551
Giá vốn hoạt động khác	8.374.980.050	152.959.905
Tổng cộng	33.601.795.890	15.086.754.098

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Lãi tiền gửi	24.735.172	9.500.455
Lợi nhuận chuyển từ các công ty con	20.000.000.000	6.959.267.896
Thu lãi cho vay từ các công ty con	13.362.784.899	3.115.309.697
Lãi chênh lệch tỷ giá	86.520.594	4.856.553.305
Lãi hàng hoá phái sinh; khác	6.655.618.024	-
Tổng cộng	40.129.658.689	14.940.631.353

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	10.377.803.566	2.918.595.048
Chi phí lãi vay khác	1.389.340.931	1.861.104.367
Chiết khấu thanh toán	1.691.172	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.858.006.477	2.004.661.932
Lỗ hàng hoá phái sinh, khác	11.609.478.982	220.822.469
Tổng cộng	26.236.321.128	7.005.183.816

6.5. Thu nhập khác

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Thu tiền phí đo đạc	13.405.457	13.963.637
Thu bán phế liệu	1.836.727	-
Thu chiết khấu mua hàng, chậm thanh toán	371.424.600	495.896.780
Thu bồi thường do không thực hiện hợp đồng	770.603.992	278.801.799
Thu nhập khác	269.392	462.982.708
Tổng cộng	1.157.540.168	1.251.644.924

6.6. Chi phí khác

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Chi phí công chứng	-	2.279.089
Chi phí khác	607	92.655.399
Tổng cộng	607	94.934.488

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Chuyển nhượng quyền sử dụng đất
- + Hoạt động khác (cho thuê kho, thuê nhà, san lấp mặt bằng, kinh doanh thành phẩm phân bón...)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các công ty con và các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công ty TNHH MTV chế.biến thủy sản Hoàng Long	298.763.105.968	106.828.606.607
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	8.561.179.456	7.406.677.456
Công Ty Cổ Phần Hoàng Long Mê Kông	695.742.776	-
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng	22.972.702.184	3.754.645.793
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	150.682.457	102.000.000
Tổng cộng	331.143.412.841	118.091.929.856

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả cho các công ty con và công ty liên kết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả tiền mượn từ ông Phạm Phúc Toại	504.597.500	5.470.359.000
Công ty TNHH MTV vận tải và khai thác khoáng sản Hoàng Long	32.755.637.021	24.071.837.613
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	22.095.965.736	9.857.202.924
Công ty TNHH MTV công nghệ và thương mại Hoàng Long	14.943.732.835	6.237.763.297
Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy	19.475.443.935	24.557.443.935
Tổng cộng	89.775.377.027	70.194.606.769

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty có vay từ công ty liên kết – Công ty TNHH SX TM DV Thanh Thy theo khế ước vay ngày 02/03/2008 để bổ sung vốn lưu động với dư tại ngày 31/12/2011 là 19.475.443.935 đồng. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường.

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 01 năm 2012.

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI